

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HIỆN TƯỢNG DANH HÓA TÍNH TỪ TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

NOMINALIZATIONS OF ADJECTIVE IN VIETNAMESE AND ENGLISH

NGUYỄN THỊ BÍCH NGOAN
(ThS, Thành phố Hồ Chí Minh)

Abstract

Adjective nominalizations are popular in both Vietnamese and English. The article highlights the differences and similarities of adjective nominalizations in Vietnamese and English, and the nominalizers, and methods of adjective nominalizations in the languages as well. The comparison is intended to help teachers and students who are teaching or learning Vietnamese and English have a more thorough view of the different characteristics of the two language forms as well as differences in cognitive thinking between Vietnamese and English native speakers. This can be applied in the process of learning to speak and to write in order to get more precise and consistent expressions by language learners.

1. Danh hóa là một hiện tượng khá phổ biến trong các ngôn ngữ. Theo Từ điển ngôn ngữ học ứng dụng và dạy tiếng (tr 146): *Danh hóa là một quy trình ngữ pháp lập danh từ từ những phần khác nhau của lời nói thường là động từ và tính từ*. Hiện tượng danh hóa thường xảy ra ở hai cấp độ, đó là cấp độ từ và trên từ (cấp độ cú pháp). Còn trong tiếng Việt chúng ta có thể hiểu danh hóa là một phương thức ngữ pháp để biến đổi một động từ, một tính từ hoặc một mệnh đề thành một tổ hợp danh từ bằng cách kết hợp động từ, tính từ, hoặc mệnh đề ấy với một yếu tố danh hóa nhất định. Danh hóa trong ngôn ngữ thường có ba chức năng chính:

1) *Chức năng thể hiện ý niệm (ideational functions)*: Chức năng này nhằm thể hiện chủ ý của người viết. Tác giả có thể thêm nhiều thông tin hơn trong câu, và khi được danh hóa câu văn sẽ trịnh trọng hơn, nhấn mạnh được dụng ý của tác giả. Ví dụ:

The elderly female was a woman of wisdom and experience (Olivo Twist)

(Bà đứng tuổi này là một bà khôn ngoan nhiều kinh nghiệm)

Nếu thay cụm từ: *a woman of wisdom and experience* bằng cụm từ *a wise and experienced woman* thì rõ ràng cụm từ sau có ý nghĩa rất bình thường, khi đọc cụm từ trên người đọc có cảm nghĩ đây là một phụ nữ tốt, thông minh và trải nghiệm, nhưng khi hai tính từ được danh hóa: *wise* → *wisdom*; *experienced* → *experience* thì cụm từ *a woman of wisdom and experience* (người đàn bà của sự khôn ngoan và trải nghiệm) lại thể hiện một dụng ý không tốt, ám chỉ sự tinh khôn quỷ quyệt của nhân vật nữ trong truyện.

2) *Chức năng liên nhân (interpersonal functions)*: Đối với chức năng này khi sử dụng biện pháp danh hóa người viết không muốn thể hiện thời gian, không gian, thể thức cũng như quan điểm của mình đặc biệt là những vấn đề mang tính tế nhị hoặc bảo mật, và cũng giữ cho câu văn mang tính khách quan hơn hoặc cũng là

cách người viết muốn thu hút sự chú ý của người đọc.

1. *Chức năng ngôn bản (Textual functions)*: với chức năng này người viết có thể làm nổi bật thông tin mới theo phương thức “đề thuyết”. Đề là điểm bắt đầu một thông báo, là thông tin đã có sẵn. Thuyết là phần còn lại của thông báo, cung cấp thêm thông tin vào những gì đã có sẵn và thuyết chính là phần chứa thông tin mới, cần sự đánh giá của người đọc. Vì vậy với cấu trúc danh hóa người đọc có thể nhận biết được thông tin nào là mới và cũ.

Ví dụ:

- *Việc đầu quân cho AC Milan là quyết định hoàn toàn đúng đắn của Senderos.*

- *Trung Quốc coi phát triển hòa bình là lựa chọn chiến lược.*

Ngoài ra việc danh hóa cũng giúp cho câu văn có sự chặt chẽ và mạch lạc hơn, cho phép người viết gói gọn thông tin trong một cụm từ được danh hóa, đặc biệt là khi viết tiêu đề cho các bài báo, dự án, tiểu luận...

Như đã đề cập, danh hóa trong ngôn ngữ thường thể hiện ở ba loại: danh hóa động từ, danh hóa tính từ và danh hóa mệnh đề. Trong tiếng Việt và tiếng Anh, tính từ là từ loại quan trọng chỉ sau danh từ và động từ, vì vậy hiện tượng danh hóa tính từ cũng là một hiện tượng rất hay xảy ra trong cả hai ngôn ngữ. Trong bài viết này chúng tôi sẽ đối chiếu so sánh sự giống và khác nhau giữa danh hóa tính từ trong tiếng Việt và tiếng Anh:

2. Danh hóa tính từ trong tiếng Việt và tiếng Anh

2.1. Sự khác nhau giữa hiện tượng danh hóa tính từ trong tiếng Việt và tiếng Anh

+ Hiện tượng danh hóa tính từ trong tiếng Việt chủ yếu là do sự kết hợp tính từ với các yếu tố danh hóa như: cái, sự, vẻ, điểm, điều, tính và những tính từ đa tiết có thể dùng làm thời như danh từ khi kết hợp với: những, mọi.

Ví dụ:

- *Cô em chồng tội nghiệp của tôi đây đang tan nát lòng chỉ vì chiêm ngưỡng cái đẹp thể xác*

và tinh thần của anh (Đôi giố hù)

- **Sự trống rỗng, sự bối rối** và sự ngưng động lần lượt đến với nó. (Cánh buồm đỏ thắm).

- Ông hỏi, **vẻ hoạt bát** cùng câu hỏi hết sức khéo léo. (Người đàn bà đang yêu)

- Vô vậ nhau, tranh nhau nói đến những vật vả, **những may mắn** để có cuộc gặp gỡ này. (Thời xa vắng)

Còn trong tiếng Anh chủ yếu là do biến đổi hình thái tính từ, hoặc thêm các tiếp tố -ance, -ness, -tion, -dom, -ce, -ence, -cy, -ty, -th, -ity, -hood... vào tính từ để phái sinh từ thành danh từ. Ví dụ:

- *Her statement is **true**.*

→ *The **truth** of her statement*

- *It was so silent, it was frightening.*

→ *The **silence** gave rise to fear*

+ Ngoài ra trong tiếng Anh còn có hiện tượng biến âm sắc, khi một tính từ được chuyển thành danh từ thì nguyên âm gốc của từ cũng được biến đổi. Ví dụ:

attractive → *attraction* (sự thu hút).

Contagious → *contagion* (sự lây truyền; ảnh hưởng xấu)

+ Một điểm khá khác biệt nữa là: Kết quả của hiện tượng danh hóa tính từ trong tiếng Anh có thể tạo ra danh từ chỉ người số nhiều, còn trong tiếng Việt thì thường không có trường hợp nào như vậy. Trong tiếng Anh nếu tính từ được danh hóa có ý chỉ người thì danh từ đó có nghĩa là danh từ số nhiều mặc dù về hình thức không có dấu hiệu biểu hiện là danh từ số nhiều, và để chuyển tính từ sang từ có chức năng là một danh từ thì chúng thường được thêm mạo từ “**the**” vào trước tính từ. Ví dụ như:

- ***The poor** need help from the government.*

(*Những người nghèo cần sự giúp đỡ của chính quyền*)

a) ***The French** are considered gourments.*

(*Người Pháp được xem là những người sành ăn*)

Qua hai ví dụ trên chúng ta thấy hai tính từ poor và French được dùng như danh từ số nhiều và làm chủ ngữ trong câu.

Nếu muốn dùng hai tính từ đó với tư cách là danh từ số ít, có nghĩa là chỉ một người nào đó thì chúng ta cần phải thêm một danh từ chỉ hạn như person, man, woman vào sau tính từ:

- **The poor woman** need help from the government.

(Người phụ nữ nghèo khổ đó cần sự giúp đỡ của chính quyền)

- **The French man** is considered a gourmet.

(Cái anh người Pháp đó là người sành ăn)

+ Trong tiếng Việt không thể danh hóa những tính từ cực cấp, còn trong tiếng Anh thì những tính từ cực cấp có thể danh hóa để tạo ra những khái niệm trừu tượng và chức năng của danh từ này thường là danh từ số ít hoặc danh từ không đếm được.

- **The best** is the enemy of the good.

(Cầu toàn thường khi hỏng việc)

- If you can not have **the best** make **the best** of what you have.

(Không có cá thì lấy rau má làm ngon)

- **The worst** of the storm is over.

(Thời điểm dữ dội nhất của cơn bão đã qua)

Ngoài ra còn một điểm khác nhau nữa là trong tiếng Việt khi danh hóa tính từ thường có sự phân biệt giữa tính từ đơn tiết và đa tiết. Khi sử dụng biện pháp danh hóa tính từ, người sử dụng thường nhằm một trong hai mục đích: một là nhằm khẳng định sự tồn tại của một đặc trưng nào đó ở sự vật, quá trình (sự + tính từ) ví dụ: sự cầu kì, sự nhạt nhẽo...; Hai là khẳng định, mô tả, cụ thể hóa, làm nổi bật một thực thể đặc trưng cụ thể (cái + tính từ đa tiết) ví dụ: sự chu đáo, sự giản dị, sự, sự dối trá... Trong tiếng Anh thì lại không có sự phân biệt này, mà người ta có khuynh hướng sử dụng danh từ thay cho tính từ nhiều hơn trong tiếng Việt.

2.2. Những điểm giống nhau giữa hiện tượng danh hóa tính từ trong tiếng Việt và tiếng Anh

+ Như chúng ta biết thì phần danh hóa tính từ trong tiếng Anh ngoài sự biến đổi hình thái còn có sự kết hợp mạo từ *the* với tính từ, như vậy *the* được xem là một yếu tố danh hóa, phương thức

này giống với phương thức danh hóa trong tiếng Việt, nhằm tạo ra một tổ hợp danh từ: yếu tố danh hóa + tính từ.

Ví dụ:

Trong tiếng Việt:

- Không giang hồ, không bôn ba sao nói được những câu khôn như **cái khôn** của người sắp từ trần như thế. (Nguyễn Tuân, Vang bóng một thời)

- Nhưng bà cụ vẫn vui, vẫn thích nói đùa vì bà cụ có lí lẽ riêng, có **sự từng trải** riêng.

Trong tiếng Anh:

- Take from **the rich** and give **the poor**.

(Lấy của người giàu đem cho người nghèo)

- Take **the good** with **the bad**.

(Tôi nhận cái may lẫn cái không may)

- We have to take **the bitter** with **the sweet** of life.

(Chúng ta phải chịu những nỗi đắng cay cùng với những sự ngọt bùi của cuộc đời)

+ Sản phẩm danh hóa tính từ ở cả hai ngôn ngữ đều có thể tạo ra những danh từ hay những khái niệm trừu tượng. Những tính từ biểu thị một đặc trưng càng trừu tượng, càng khái quát bao nhiêu thì càng có khả năng danh hóa bấy nhiêu.

Ví dụ:

Trong tiếng Việt:

Mọi **cái nôm na, tẻ nhạt** của cuộc sống hàng ngày không bao giờ có thể là một cái gì muốn thưởng. (Phan Ngọc, Bản sắc Văn hóa Việt Nam, 83)

Trong tiếng Anh:

John is **honest/ kind**. => John's **honesty/kindness** (impressed me).

+ Những tính từ chỉ những đặc trưng cụ thể mà con người có thể tri nhận trực tiếp bằng giác quan thường không được danh hóa. Chẳng hạn trong tiếng Việt có các tính từ như: nặng, nhẹ, nhanh chậm, béo, gầy.. không được danh hóa. Tương tự, trong tiếng Anh những tính từ như tall, short, old, fast, low... không phải là những tính từ có thể danh hóa mặc dù cũng có những danh từ có cùng gốc với tính từ như: tallness, shortness, fastness, lowness...bởi vì danh từ và

tính từ đã có nghĩa khác nhau trong câu. Ngoài ra những tính từ chỉ mức độ và sự đo lường trong tiếng Anh cũng ít khi được danh hóa, vì khi chuyển đổi từ tính từ sang danh từ câu hoàn toàn không còn giống nghĩa ban đầu. Ví dụ như:

The buiding is high => the buiding's height / the height of the buiding

The path is long => the path's length/ the length of the path

The well is deep => the well's depth/ the depth of the well

The bed is wide => the bed's width/ the width of the bed

The book is thick => the book's thickness/ the thickness of the book

The plane is late => the plane's lateness/ the late ness of the plane

+ Cũng giống như phân danh hóa động từ, cả hai ngôn ngữ đều có sự chuyển loại bên trong tính từ và danh từ, có nghĩa là khi danh hóa tính từ không cần kết hợp với bất kì yếu tố danh hóa nào. Trong tiếng Việt, khi danh hóa tính từ thì tổ hợp danh từ thường giữ chức vụ cú pháp là chủ ngữ trong câu.

Ví dụ:

- **Thành công** là điều ai cũng mong muốn

- **Thuận lợi** và **khó khăn** thường đi song hành trong công việc của tôi.

Trong tiếng Anh thì không nhất thiết là phải như vậy, tổ hợp danh hóa có thể không phải là chủ ngữ trong câu, và chức năng cú pháp trong câu của nó cũng được thể hiện bằng hình thức khác. Ví dụ:

- *The baby was dressed in red* (Đứa trẻ được mặc đồ đỏ)

- *He keeps it in the deep of his heart.* (Anh ấy cất giữ điều đó trong tận sâu thẳm trái tim mình).

3. Kết luận

Qua phần trình bày trên, chúng tôi đã đưa ra được những điểm giống và khác nhau của hiện tượng danh hóa tính từ giữa hai ngôn ngữ Anh – Việt. Cũng như danh hóa động từ, danh hóa tính từ tạo ra một tiểu loại tổ hợp danh từ mới, tiểu loại này định danh cho những loại thực thể đặc

biệt, những thực thể sinh ra do năng lực khái quát hóa, trừu tượng hóa. Kết quả của hiện tượng danh hóa tính từ cả hai ngôn ngữ thường tạo ra những khái niệm trừu tượng, vì vậy những tính từ có những đặc trưng cụ thể mà con người có thể cảm nhận trực tiếp bằng các giác quan thì không thể danh hóa. Trong tiếng Việt danh hóa tính từ chủ yếu bằng cách kết hợp tính từ đó với một yếu tố danh hóa. Trong tiếng Anh, danh hóa tính từ được thực hiện thông qua phương thức biến tố nên một tính từ và một danh từ được phái sinh từ tính từ luôn phân biệt nhau về hình thức. Việc sử dụng danh hóa tính từ nhằm giúp câu văn trang trọng hơn, và cũng có thể tăng mật độ thông tin mà không cần tăng mật độ từ trong câu. Việc so sánh này nhằm giúp cho giáo viên, sinh viên những người đang dạy và học tiếng Việt cũng như tiếng Anh có cách nhìn thấu đáo hơn về sự giống và khác nhau giữa sự tri nhận cũng như cách thức sử dụng ngôn ngữ của người Việt và người bản ngữ là tiếng Anh, từ đó có thể vận dụng vào việc nói và viết cho chính xác hơn, trang trọng hơn và phù hợp với bản sắc của người bản xứ sử dụng hai ngôn ngữ trên.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb KHXH, Hà Nội.
2. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt, Từ loại*, Nxb ĐH & THCN Hà Nội.
3. Cao Xuân Hạo (1994), *Về cấu trúc danh từ trong tiếng Việt*. Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt hiện đại. Nxb KHXH, Hà Nội.
4. Hồ Lê (1992), *Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại*, Nxb KHXH, Hà Nội.
5. John Bowers, (1976), *Some adjectival nominalizations in English*. Journal Article.
6. Besilio Margaride (1986), *The semantic factors in the nominalization of adjectives*. {Morphology, Lexicology, Semantics}. Abstract of Journal Article.
7. Artemis Alexiadou (2000), *Functional structure in nominals: nominalization and ergativity*, University of Potsdam.
8. John Bowersr (2011), *Non-event nominals and argument structure*. Journal Article.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 22-01-2013)